

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Môn học: Kỹ Năng Ngôn Ngữ 4A

- Mã MH: XH 260
- Số tín chỉ học phần: 03 tín chỉ
- Số tiết học phần: 90 tiết thực hành

2. Đơn vị chịu trách nhiệm:

- Bộ môn: Bộ Môn Văn Hóa và Ngôn Ngữ Anh văn
- Khoa: Khoa Ngoại Ngữ

3. Môn tiên quyết: XH 258, XH 259

4. Mục tiêu môn học: Sau khi hoàn thành học phần này, sinh viên có thể:

4.1. Kiến thức

- 4.1.1. Nghe hiểu những đoạn hội thoại trao đổi thông tin về cách sử dụng công nghệ, ý nghĩa ngôn ngữ sử dụng trong giao tiếp, sở thích, động vật, và tổ chức nghi lễ.
- 4.1.2. Nghe hiểu những bài thuyết trình có bố cục rõ ràng với nội dung về những phong tục tập quán trên thế giới, sự khác biệt giữa tiếng Anh của người Mỹ và tiếng Anh của người Anh, sự khác nhau về sở thích giữa các thế hệ, khám phá hành tinh khác, cách tiến hành nghi lễ của các văn hóa khác nhau.
- 4.1.3. Nắm vững chiến thuật để nghe và nói tốt hơn như hiểu những cụm từ mang tính khái quát, cụm từ cảm thán, hình thức rút gọn từ trong câu hỏi, cụm từ mang ý nghĩa xác nhận hay từ chối, cụm từ mang tính ngụ ý hay ẩn ý, cụm từ thể hiện sự chúc mừng hay cảm thông.
- 4.1.4. Có thể ôn lại những từ vựng đã học và học thêm những từ vựng liên quan đến các chủ đề văn hóa, phong tục ngôn ngữ giao tiếp, sở thích, khám phá và phát minh mới, và cách tổ chức nghi lễ.
- 4.1.5. Nắm được cách phát âm và ngữ điệu rõ ràng, tự nhiên.

4.2. Kỹ năng

- 4.2.1. Củng cố kỹ năng nghe hiểu ý chính của các bài nói dài phức tạp cả về nội dung và ngôn ngữ với các chủ đề liên quan nội dung kiến thức.
- 4.2.2. Củng cố kỹ năng nghe hiểu ý chi tiết các thông tin về một đề tài cụ thể hay trừu tượng với tốc độ nói bình thường về các chủ đề liên quan nội dung kiến thức.

- 4.2.3. Củng cố kỹ năng nghe hiểu nội dung hàm ý thể hiện tâm trạng, giọng điệu của người nói trong nhiều ngữ cảnh trong cuộc sống.
- 4.2.4. Có thể mô tả rõ ràng, chi tiết về các chủ đề liên quan hoặc thuộc lĩnh vực quan tâm (ví dụ như công nghệ, ngôn ngữ trong giao tiếp, sở thích, động vật, và nghi lễ)
- 4.2.5. Có thể lập luận một cách có hệ thống, nhấn mạnh được những điểm quan trọng bằng những chi tiết minh họa liên quan về các chủ đề công nghệ, ngôn ngữ, sở thích, động vật, và nghi lễ
- 4.2.6. Có thể giao tiếp một cách tự nhiên, sử dụng tốt cấu trúc ngữ pháp và không gặp khó khăn khi diễn đạt phù hợp với hoàn cảnh.
- 4.2.7. Củng cố kỹ năng nghe, nói thông qua các hoạt động trong lớp và các bài tập tự học ở nhà.
- 4.2.8. Củng cố khả năng làm việc theo đôi hoặc nhóm, đặc biệt là kỹ năng làm việc nhóm.
- 4.2.9. Củng cố và tăng cường kỹ năng tự học thông qua các bài tập nghe và nói ở nhà hàng tuần.
- 4.2.10. Ứng dụng hành thạo các kỹ năng về công nghệ thông tin thông qua việc làm các bài thuyết trình bằng powerpoint.
- 4.2.11. Ứng dụng hành thạo các kỹ năng thuyết trình cơ bản thông qua các bài thuyết trình theo nhóm.

4.3. Thái độ

- 4.3.1. Chủ động các hoạt động trong lớp học.
- 4.3.2. Tự tin trình bày thảo luận, làm việc nhóm và thuyết trình trước lớp.
- 4.3.3. Ý thức cao về việc tự học và quản lý thời gian tự học một cách hiệu quả.

5. Mô tả nội dung tóm tắt học phần:

Học phần Kỹ năng ngôn ngữ 4A sẽ:

- Giúp sinh viên củng cố và thực hành kỹ năng nghe-nói với những mục đích khác nhau và thực hành với những đoạn hội thoại mang tính như giao tiếp hàng ngày, những bài diễn thuyết thuộc nhiều lĩnh vực trong cuộc sống.
- Giúp sinh viên củng cố và phát triển khả năng nói tương tác, trình bày ý kiến, lập luận thể hiện quan điểm qua thuyết trình.
- Củng cố và cung cấp cho sinh viên những chiến thuật về kỹ năng làm bài kiểm tra trong nghe nói theo chuẩn VSTEP bậc 4.

6. Cấu trúc nội dung học phần

Nội dung		Số tiết	Mục tiêu
Chapter 1: Global connection	Part 1: Conversation: Using technology to stay in touch	4	4.1.1, 4.1.4, 4.2, 4.3
	Part 2: Lecture: Customs around the world	4	4.1.2, 4.1, 4.2, 4.3
	Part 3: Using the context: More about customs	4	4.1.3, 4.1.4, 4.1.5, 4.2, 4.3
	Part 4: Real World Task: A trivia quiz	4	4.1.4, 4.1.5, 4.2, 4.3
Chapter 2: Language and Communication	Part 1: Conversation: What do people really mean?	4	4.1.1, 4.1.4, 4.2, 4.3
	Part 2: Lecture: Differences between American and British	4	4.1.2, 4.1., 4.2, 4.3
	Part 3: Getting meaning from context: Conversations about language	4	4.1.3, 4.1.4, 4.1.5, 4.2, 4.3

	Part 4: Real World Task: Spelling bee	4	4.1.4, 4.1.5, 4.2, 4.3
Chapter 3: Tastes and Preferences	Part 1: Conversation: What do you like to do for fun?	4	4.1.1, 4.1.4, 4.2, 4.3
	Part 2: Lecture: Generation Y	4	4.1.2, 4.1., 4.2, 4.3
	Part 3: Using the context: Tastes and Preferences	4	4.1.3, 4.1.4, 4.1.5, 4.2, 4.3
	Part 4: Real World Task: Choosing someone to date	4	4.1.4, 4.1.5, 4.2, 4.3
Review + Midterm test		5	
Chapter 4: New Frontiers	Part 1: Conversation: To clone or not to clone?	4	4.1.1, 4.1.4, 4.2, 4.3
	Part 2: Lecture: Exploring Mars	4	4.1.2, 4.1., 4.2, 4.3
	Part 3: Getting meaning from context: Discoveries and Inventions	4	4.1.3, 4.1.4, 4.1.5, 4.2, 4.3
	Part 4: Real World Task: A game show	4	4.1.4, 4.1.5, 4.2, 4.3
Chapter 5: Ceremonies	Part 1: Conversation: A baby shower	4	4.1.1, 4.1.4, 4.2, 4.3
	Part 2: Lecture: Water in traditional ceremonies	4	4.1.2, 4.1., 4.2, 4.3
	Part 3: Using the context: Conversations about ceremonies	4	4.1.3, 4.1.4, 4.1.5, 4.2, 4.3
	Part 4: Real World Task: Making wedding plans	4	4.1.4, 4.1.5, 4.2, 4.3
Review + Final test		5	

7. Phương pháp dạy

- Dạy bằng đường hướng giao tiếp
- Thuyết giảng
- Làm việc theo cặp, theo nhóm.
- Làm việc cá nhân.
- Thuyết trình
- Thảo luận

8. Yêu cầu của khóa học

Sinh viên phải thực hiện các nhiệm vụ như sau:

- Chuẩn bị bài trước khi đến lớp.
- Thực hành nghe ở nhà (phần tự học).
- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học thực hành.
- Tham gia tích cực vào các hoạt động trong lớp.
- Thuyết trình trước lớp theo nhóm.
- Tham dự và làm các bài kiểm tra trong học kỳ.
- Tham dự thi kết thúc học phần

9. Đánh giá

9.1. Cách đánh giá

Sinh viên được đánh giá tích lũy học phần như sau:

TT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Mục tiêu
1	Điểm chuyên cần	- Tham dự 100% số tiết học - Tích cực tham gia vào các hoạt động trong lớp học	10%	4.2.; 4.3
2	Điểm bài tập thuyết trình nhóm	- Báo cáo/thuyết minh dưới sự hướng dẫn của giảng viên - Được nhóm xác nhận có tham gia	10%	4.2; 4.3
3	Điểm kiểm tra nghe	- Hai bài kiểm tra nghe (35 phút/bài)	20%	4.1; 4.2
4	Điểm thi kết thúc học phần	- Thi nói thếp cặp (12 phút) - Thi nghe (35 phút) – Tham dự đủ 80% tiết học - Bắt buộc dự thi	30% 30%	4.1; 4.2; 4.3

9.2. Cách tính điểm

- Điểm đánh giá thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân.
- Điểm học phần là tổng điểm của tất cả các điểm đánh giá thành phần của học phần nhân với trọng số tương ứng. Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

10. Tài liệu học tập:

Thông tin tài liệu

- [1] Tanka, J. & Baker, L. R. (2007). Interactions 2 – Listening/Speaking (silver ed.). New York: McGraw-Hill.
- [2] Richards, J. C. (2012). Tactics for listening – Expanding Third Edition. Oxford University Press
- [3] Pavlik, C. (2006) Hot topics 1 – Reading Book. Cengage Learning Publisher.

11. Hướng dẫn sinh viên tự học

Tuần	Nội dung	Lý thuyết (tiết)	Thực hành (tiết)	Nhiệm vụ của sinh viên
1	Chapter 1: Global connections	0	6	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: Chapter 1 (pp. 124-147)
2			6	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: - Unit 9: Friendship (p.34) - Unit 13: Special days (p. 50) - Unit 18: Vacations (p.70)
3			6	+ Tài liệu [3]: - Topic 1: Mobile phone and technology - Topic 2: Living abroad
4	Chapter 2: Language and Communication	0	9	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: Chapter 2 (pp. 148-171)
5			9	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: - Unit 1: Small Talk (p. 02) - Unit 19: The news (p. 74)
6				
7	Chapter 3: Tastes and Preferences	0	6	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: Chapter 3 (pp. 172- 195)
8			6	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: - Unit 6: Cooking (p. 22) - Unit 15: Preferences (p. 58) - Unit 22: Food and Nutrition (p. 86)
9			6	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [3]: - Topic 12: Beauty Contests: The business of beauty: Is it good to become Miss World? What are good things of being famous?
10	Chapter 4: New Frontiers	0	6	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: Chapter 4 (pp. 196-219)
11			6	-Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: - Unit 23: Predicaments (p. 90) - Unit 24: Global issues (p. 94)
12			6	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [3]:

				- Topic 13: Nature: Paradise Lost – Can we get it back: Environmental problems impacts of tourism on the environment
13	Chapter 5: Ceremonies	0	9	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [1]: Chapter 5 (pp. 220- 243)
14			9	Nghiên cứu trước: + Tài liệu [2]: - Unit 10: Fashion (p.54) - Unit 17: Past events (p.66)
15				

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA**

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2017
TRƯỞNG BỘ MÔN